

Số: /QĐ-UBND Gia Lai, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông và không liên thông trong lĩnh vực Chăn nuôi; Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý; Khoa học, công nghệ và môi trường; Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Môi trường, Kiểm lâm, Thủy lợi, Lâm nghiệp, Thú y, Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thông qua Phương án cắt giảm thời gian giải quyết, chi phí tuân thủ thủ tục hành chính thuộc phạm vi, trách nhiệm thực hiện của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 569/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 10 năm 2025 và Tờ trình số 571/TTr-SNNMT ngày 31 tháng 10 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ giải quyết 20 thủ tục hành chính không liên thông và 09 thủ tục hành chính liên thông cấp tỉnh trong lĩnh vực Chăn nuôi; Đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý; Khoa học, công nghệ và môi trường; Trồng trọt và bảo vệ thực vật; Môi trường, Kiểm lâm, Thủy lợi, Lâm nghiệp, Thú y, Thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 2. Quyết định này sửa đổi, bổ sung Quyết định số 819/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2025 và Quyết định số 2130/QĐ-UBND ngày 08 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính liên thông và thủ tục hành chính không liên thông thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường và các cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ban hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Văn phòng Chính phủ (Cục Kiểm soát TTHC);
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Bưu điện tỉnh;
- VNPT tỉnh;
- Phòng Hành chính – Tổ chức;
- Lưu: VT, NNMT, PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lâm Hải Giang

**PHÊ DUYỆT QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT 20 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG
VÀ 09 THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG CẤP TỈNH THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / / 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh)

**I. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH KHÔNG LIÊN THÔNG ĐƯỢC TIẾP NHẬN HỒ SƠ
VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH (20 TTHC)**

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh)	
I. LĨNH VỰC CHĂN NUÔI (01 TTHC)								
1	-	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn 1.008128.000.00.00. H21	12,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, giải quyết: 11 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết, tham mưu Sở thành lập đoàn đánh giá điều kiện thực tế của cơ sở chăn nuôi: 10 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng Chăn nuôi thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc. 4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Sở ký duyet: 01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 347/QĐ- UBND 12/4/2025
II. LĨNH VỰC ĐO ĐẠC, BẢN ĐỒ VÀ THÔNG TIN ĐỊA LÝ (01 TTHC)								
2		Cung cấp thông tin,	01 ngày làm việc	01 giờ làm việc	Chuyên viên Văn phòng Đăng ký đất đai kiểm tra, giải quyết và trình	Lãnh đạo Văn phòng	01 giờ làm việc	Quyết định số 347/QĐ-

		dữ liệu, sản phẩm đo đạc và bản đồ 1.011671.H21			Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký đất đai xem xét, ký duyệt hồ sơ: 05 giờ làm việc	Đăng ký Đất đai: 01 giờ làm việc		UBND 12/4/2025
			02 ngày làm việc (Trường hợp trả kết quả theo thời gian thống nhất với bên yêu cầu cung cấp)	02 giờ làm việc	Chuyên viên kiểm tra, giải quyết và trình Lãnh đạo xem xét, ký duyệt hồ sơ: 10 giờ làm việc	Lãnh đạo Văn phòng Đăng ký Đất đai: 02 giờ làm việc	02 giờ làm việc	

III. LĨNH VỰC KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ VÀ MÔI TRƯỜNG (01 TTHC)

3	-	Đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành 1.009478.000.00.00.H21	2,5 ngày làm việc	3.1. Đối với sản phẩm, hàng hóa là giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			Quyết định số 347/QĐ-UBND 12/4/2025
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tiếp nhận, giải quyết: 1,75 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Quản lý Trồng trọt và Bảo vệ thực vật phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết, tham mưu Sở ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy: 01 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Quản lý Trồng	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc

					trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc 4. Lãnh đạo Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc			
					3.2. Đối với sản phẩm, hàng hóa là giống cây trồng, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật			
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp nhận, giải quyết: 1,75 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng Chăn nuôi phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết, tham mưu Sở ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy: 01 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng Chăn nuôi thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc 4. Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
					3.3. Đối với các sản phẩm, hàng hóa là thức ăn thủy sản và sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản			
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản tiếp nhận, giải quyết: 1,75 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Nuôi trồng thủy sản phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên giải quyết, tham mưu Sở ban hành Thông báo tiếp nhận hồ sơ đăng ký công bố hợp quy cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy: 01 ngày làm việc 3. Lãnh đạo Phòng Nuôi trồng thủy	Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

					sản thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc 4.Lãnh đạo Chi cục Thủy sản thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc				
IV. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (02 TTHC)									
4	-	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư 1.007918.000.00.00. H21	11 ngày	0,25 ngày	Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và phát triển rừng) giải quyết: 9,5 ngày , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2. Chuyên viên tổ chức kiểm tra, thẩm định và báo cáo kết quả thẩm định: 08 ngày. 3. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng thông qua kết quả: 0,5 ngày. 4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 0,5 ngày.	Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường: 01 ngày	0,25 ngày	Quyết định số 347/QĐ-UBND 12/4/2025	
5	-	Công nhận, công nhận lại nguồn giống cây trồng lâm nghiệp 3.000198.000.00.00. H21	12 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và phát triển rừng) giải quyết: 10,5 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 9,5 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 01 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định 347/QĐ-UBND 12/4/2025	
V. LĨNH VỰC THÚ Y (04 TTHC)									
6	-	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng,	2,5 ngày làm việc	6.1. Trường hợp Cấp chứng chỉ hành nghề:			Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 0,5 ngày	0,25 ngày làm việc	Quyết định 347/QĐ-UBND 12/4/2025
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 1,5 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc;				

		chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y) 2.001064.000.00.00. H21			2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Thú y thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	làm việc			
			1,5 ngày làm việc	6.2. Trường hợp gia hạn chứng chỉ hành nghề:					
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 0,75 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 0,25 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Thú y thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc		
7	-	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu) 1.011477.000.00.00. H21	2,5 ngày làm việc	7.1. Đối với cơ sở chăn nuôi động vật trên cạn					Quyết định 633/QĐ-UBND 26/6/2025
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 1,5 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Thú y thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc		
				7.2. Đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản					
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản (Phòng Nuôi trồng Thủy sản) tiếp nhận, giải quyết: 1,5 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Nuôi trồng Thủy sản phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Nuôi trồng Thủy sản thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc		
8	-	Cấp Giấy chứng nhận	04 ngày	0,25 ngày làm	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng	Lãnh đạo	0,25 ngày	Quyết định	

		đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y 1.001686.000.00.00. H21	làm việc	việc	Thú y tiếp nhận, giải quyết: 03 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc; 2. Chuyên viên giải quyết: 02 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo Phòng Thú y thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.	Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 0,5 ngày làm việc	làm việc	347/QĐ-UBND 12/4/2025
9	-	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở an toàn dịch bệnh động vật (trừ cơ sở an toàn dịch bệnh theo yêu cầu của nước nhập khẩu) 1.011475.000.00.00. H21	10 ngày	0,25 ngày	Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Phòng Thú y) tiếp nhận, giải quyết: 8,5 ngày , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng Thú y phân công thụ lý: 0,5 ngày 2. Chuyên viên giải quyết: 7,5 ngày 3. Lãnh đạo Phòng Thú y thông qua kết quả: 0,5 ngày.	Lãnh đạo Chi cục Chăn nuôi và Thú y: 01 ngày	0,25 ngày	Quyết định 633/QĐ-UBND 26/6/2025
VI. LĨNH VỰC THỦY SẢN (05 TTHC)								
10	-	Cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực 1.004692.000.00.00. H21	3,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản giải quyết hồ sơ: 2,5 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày làm việc; 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục Thủy sản ký duyệt: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định 347/QĐ-UBND 12/4/2025
11	-	Cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản 1.004359.000.00.00. H21	03 ngày làm việc	11.1. Cấp mới giấy phép khai thác thủy sản			0,25 ngày làm việc	Quyết định 347/QĐ-UBND 12/4/2025
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản 2,25 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng chuyên môn phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên thụ lý: 1,75 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng chuyên môn thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	Lãnh đạo Chi cục ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc		

				11.2. Cấp lại giấy phép khai thác thủy sản				
			1,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản 0,75 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng chuyên môn phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên thụ lý: 0,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng chuyên môn thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	Lãnh đạo Chi cục ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
12	-	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá 1.004697.000.00.00. H21	05 ngày làm	0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản 04 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng chuyên môn phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên thụ lý: 03 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng chuyên môn thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc 4. Lãnh đạo Chi cục ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	Lãnh đạo Sở thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định 347/QĐ-UBND, 12/4/2025
13	-	Cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ cơ sở sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản bố mẹ, cơ sở sản xuất, ương dưỡng đồng thời giống thủy sản bố mẹ và giống thủy sản không phải là giống thủy sản bố mẹ) 1.004918.000.00.00. H21	06 ngày làm việc	13.1. Trường hợp cấp mới:				Quyết định 347/QĐ-UBND 12/4/2025
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản: 05 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,5 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 04 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
			1,5 ngày làm việc	13.2. Trường hợp cấp lại:				
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản: 0,75 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 0,5 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

					3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,125 ngày làm việc.			
14	-	Cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển 1.004344.H21	1,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản 0,75 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng chuyên môn phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2. Chuyên viên thụ lý: 0,25 ngày làm việc 3. Lãnh đạo phòng chuyên môn thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	-
VII. LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ BẢO VỆ THỰC VẬT (05 TTHC)								
15	-	Xác nhận nội dung quảng cáo phân bón 1.007933.000.00.00.H21	2,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phòng Bảo vệ thực vật) tiếp nhận, giải quyết 1,75 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,125 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 1,5 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,125 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục ký duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định 347/QĐ-UBND 12/4/2025
16	-	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật 1.004346.000.00.00.H21	- Tiếp nhận và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: 01 ngày làm việc; - Thẩm định hồ sơ: 1,5 ngày làm việc;	16.1. Trường hợp Kết quả đánh giá thực tế tại cơ sở đạt yêu cầu				Quyết định 347/QĐ-UBND 12/4/2025
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phòng Bảo vệ thực vật) tiếp nhận, giải quyết 07 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 6,5 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	

			- Thành lập đoàn đánh giá: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ; - Đánh giá tại cơ sở: 01 ngày làm việc; - Cấp GCN đủ điều kiện buôn bán thuốc BVTV 2,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế.	16.2. Trường hợp Kết quả đánh giá thực tế tại cơ sở không đạt yêu cầu				
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phòng Bảo vệ thực vật) tiếp nhận, giải quyết 07 ngày làm việc và 60 ngày , cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 6,5 ngày làm việc và 60 ngày. 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	Lãnh đạo Chi cục ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
17	-	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón 1.007932.000.00.00.H21	6,5 ngày làm việc	17.1. Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón thay đổi địa điểm buôn bán phân bón				Quyết định 347/QĐ-UBND 12/4/2025
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phòng Bảo vệ thực vật) tiếp nhận, giải quyết 5,5 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
			2,5 ngày	17.2. Đối với trường hợp cấp lại Giấy chứng nhận bị mất, hư hỏng; thay đổi				

			làm việc	nội dung thông tin tổ chức, cá nhân ghi trên giấy chứng nhận				
				0,25 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phòng Bảo vệ thực vật) tiếp nhận, giải quyết 1,5 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 01 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
18	-	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật 1.004363.000.00.00. H21	- Tiếp nhận và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ: 01 ngày làm việc;	18.1. Trường hợp Kết quả đánh giá thực tế tại cơ sở đạt yêu cầu				Quyết định 347/QĐ-UBND 12/4/2025
			- Thẩm định hồ sơ: 1,5 ngày làm việc;	0,25 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phòng Bảo vệ thực vật) tiếp nhận, giải quyết 07 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 6,5 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
			- Thành lập đoàn đánh giá: 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ đầy đủ;	18.2. Trường hợp Kết quả đánh giá thực tế tại cơ sở không đạt yêu cầu				
			- Đánh giá tại cơ sở: 01 ngày làm việc;	0,25 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phòng Bảo vệ thực vật) tiếp nhận, giải quyết 07 ngày làm việc và 60 ngày , cụ thể: 1. Lãnh đạo phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 6,5 ngày làm việc và 60 ngày. 3. Lãnh đạo phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc	Lãnh đạo Chi cục ký duyệt kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	
			- Cấp GCN đủ					

			điều kiện buôn bán thuốc BVTV: 2,5 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc đánh giá thực tế.					
19	-	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón 1.007931.000.00.00. H21	6,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật (Phòng Bảo vệ thực vật) tiếp nhận, giải quyết 5,5 ngày làm việc , cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 05 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục ký duyet kết quả: 0,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Quyết định số 347/QĐ- UBND 12/4/2025
Tổng cộng: 19 TTHC								

STT	(1) Tên thủ tục hành chính	(2) Thời gian giải quyết	(3) Trình tự các bước thực hiện				(4) TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(3A) Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ)	(3B) Bộ phận chuyên môn (Bước 2: Giải quyết hồ sơ)	(3C) Lãnh đạo cơ quan (Bước 3: Ký duyệt)	(3D) Văn thư (Bước 4: Vào sổ, trả kết quả cho TTPVHCC tỉnh)	
I.Lĩnh vực Thú y (01 TTHC)							
1	Cấp giấy chứng nhận kiểm dịch động vật, sản phẩm	1.1. Kiểm dịch động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh					Quyết định số 633/QĐ-

động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh 2.000873.000.00.00.H21						UBND 26/6/2025
	04 ngày làm việc	1.1.1. Đối với động vật xuất phát từ cơ sở theo quy định tại khoản 1 Điều 53 Luật Thú y				
		0,25 ngày làm việc	Chi cục Thủy sản (Phòng Nuôi trồng thủy sản) giải quyết hồ sơ: 03 ngày làm việc . Cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 2,5 ngày làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 0,25 ngày làm việc.	Lãnh đạo Chi cục thông qua kết quả: 0,5 ngày làm việc.	0,25 ngày làm việc	
	01 ngày làm việc (08 giờ làm việc)	1.1.2. Đối với động vật thủy sản làm giống xuất phát từ cơ sở đã được công nhận an toàn dịch bệnh hoặc đã tham gia chương trình giám sát dịch bệnh các bệnh, cấp Giấy chứng nhận kiểm dịch theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BNNPTNT, ngày 30/6/2016				
		01 giờ làm việc	Chi cục Thủy sản (Phòng Nuôi trồng thủy sản) giải quyết hồ sơ: 05 giờ làm việc . Cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 giờ làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 03 giờ làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 giờ làm việc.	Lãnh đạo Chi cục thông qua kết quả: 01 giờ làm việc	01 giờ làm việc	
	1.2. Kiểm dịch sản phẩm động vật thủy sản vận chuyển ra khỏi địa bàn cấp tỉnh					
01 ngày làm việc (08 giờ làm việc)	01 giờ làm việc	Chi cục Thủy sản (Phòng Nuôi trồng thủy sản) giải quyết hồ sơ: 05 giờ làm việc . Cụ thể: 1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 01 giờ làm việc. 2. Chuyên viên giải quyết: 03 giờ làm việc. 3. Lãnh đạo Phòng duyệt kết quả: 01 giờ làm việc.	Lãnh đạo Chi cục thông qua kết quả: 01 giờ làm việc.	01 giờ làm việc		
Tổng cộng: 01 TTHC						

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG ĐƯỢC TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ TRẢ KẾT QUẢ TẠI TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG TỈNH (09 TTHC)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
I. LĨNH VỰC KIỂM LÂM (02 TTHC)						
1	-	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác 3.000152.000.00.00.H21	21 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)		1.1. Trường hợp không lấy ý kiến của bộ, ngành	Quyết định số 347/QĐ-UBND 12/4/2025
				0,5 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm).	
				17,5 ngày	Bước 2. Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên) thẩm định hồ sơ, giải quyết. Cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 15 ngày. 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên kiểm tra kết quả: 0,5 ngày. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 0,5 ngày. 2.5. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày. 2.6. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,5 ngày.	
				03 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.	
				Không quy định	Bước 4. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chuyển kết quả về UBND tỉnh. Sau khi nhận Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					Môi trường, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh để trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.	
					1.2. Trường hợp lấy ý kiến của bộ, ngành (đối với trường hợp diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành)	
				0,5 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm)	
			26 ngày (kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ)	17,5 ngày	Bước 2. Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên) thẩm định hồ sơ, giải quyết. Cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 15 ngày. 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên kiểm tra kết quả: 0,5 ngày. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 0,5 ngày. 2.5. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày. 2.6. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày.	
				02 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình UBND tỉnh lấy ý kiến thống nhất của bộ, ngành.	
				03 ngày (Không tính thời gian)	Bước 4. Bộ, ngành được lấy ý kiến, có ý kiến bằng văn bản gửi UBND tỉnh.	
				03 ngày	Bước 5. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				Không quy định	Bước 6. Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác chuyển kết quả về UBND tỉnh. Sau khi nhận nghị quyết của HĐND tỉnh, Văn phòng UBND tỉnh chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh để trả kết quả cho cá nhân, tổ chức.	
2	-	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức 1.012689.H21	10 ngày	0,25 ngày	Bước 1: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển hồ sơ về Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm).	Quyết định số 488/QĐ-UBND ngày 20/9/2024
				4,75 ngày	Bước 2: Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên) thẩm định hồ sơ, giải quyết, cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng phân công thụ lý: 0,25 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: Kiểm tra hồ sơ, lập Tờ trình đề nghị UBND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng: 03 ngày. 2.3. Lãnh đạo Phòng thông qua kết quả: 0,25 ngày. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 0,5 ngày. 2.5. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày. 2.6. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,25 ngày.	
				05 ngày	Bước 3: Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt: 4,5 ngày 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Sở Nông nghiệp và Môi trường, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh để trả kết quả cho tổ chức, đơn vị: 0,5 ngày.	

II. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP (03 TTHC)

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
3	-	Phê duyệt hoặc điều chỉnh đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý 1.000084.000.00.00.H21	22,5 ngày	0,5 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Chi cục Kiểm lâm).	Quyết định số 347/QĐ-UBND 12/4/2025
				17,5 ngày	Bước 2. Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và phát triển rừng) thẩm định hồ sơ, giải quyết, Cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 12,5 ngày; Cụ thể: 2.2.1. Tham mưu văn bản lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương có liên quan 03 ngày. 2.2.2. Tổng hợp ý kiến các sở, ngành, địa phương: 03 ngày. 2.2.3. Tham mưu tổ chức thẩm định: 6,5 ngày. 2.3. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng kiểm tra kết quả: 01 ngày. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 01 ngày. 2.5. Lãnh đạo Sở ký duyệt kết quả thẩm định: 02 ngày. 2.6. Văn thư vào sổ và chuyển kết quả đến Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: 0,5 ngày.	
				4,5 ngày	Bước 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên giải quyết trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: 04 ngày 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,5 ngày	
4	-	Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là tổ chức.	14 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm).	Quyết định số 636/QĐ-UBND 26/6/2025
					Bước 2. Chi cục Kiểm lâm (Phòng Sử dụng và phát	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		1.000055.000.00.00.H21		11,5 ngày làm việc	triển rừng) thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 10 ngày làm việc, cụ thể: 2.2.1. Tham mưu văn bản lấy ý kiến các sở, ngành, địa phương có liên quan 03 ngày làm việc. 2.2.2. Tổng hợp ý kiến các sở, ngành, địa phương: 03 ngày làm việc. 2.2.3. Tham mưu tổ chức thẩm định: 04 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng Sử dụng và phát triển rừng duyệt văn bản: 0,25 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua văn bản dự thảo: 0,5 ngày làm việc. 2.5. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày làm việc.	
				2,25 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên giải quyết trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: 02 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,25 ngày làm việc	
5	-	Chấp thuận nộp tiền trồng rừng thay thế đối với trường hợp chủ dự án không tự trồng rừng thay thế 1.007916.000.00.00.H21	5.1. Trường hợp địa phương bố trí đất để trồng rừng 11 ngày	0,25 ngày	Bước 1: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên thuộc Chi cục Kiểm lâm). Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) xem xét giải quyết. Cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên phân công thụ lý: 0,25 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết, tham mưu: 2,5 ngày.	Quyết định số 636/QĐ-UBND ngày 26/6/2025
				3,75 ngày		

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên thông qua kết quả: 0,25 ngày. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 0,25 ngày. 2.5. Lãnh đạo Sở phê duyệt văn bản, gửi Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày.	
				02 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, giải quyết, và thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp trên cơ sở diện tích phải trồng rừng thay thế của chủ dự án và đơn giá trồng rừng thay thế của tỉnh.	
				2,5 ngày	Bước 4. Kể từ ngày nhận được văn bản chấp thuận của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh để tổ chức trồng rừng thay thế.	
				2,5 ngày	Bước 5. Kể từ ngày nhận đủ số tiền của chủ dự án nộp, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế, trả kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho công dân.	
				5.2. Trường hợp địa phương không bố trí đất để trồng rừng		
				- Trường hợp 1: Chủ dự án không đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 22 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ:		
			5,5 ngày (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ)	0,25 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm).	
				3,25 ngày	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Kiểm lâm) tham mưu, giải quyết. Cụ thể:	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên phân công thụ lý: 0,25 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết, tham mưu Sở Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường chấp thuận việc nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam: 02 ngày. 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên thông qua kết quả: 0,25 ngày. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 0,25 ngày. 2.5. Lãnh đạo Sở ký duyệt, văn thư vào sổ và chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày.	
				02 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản, chuyển kết quả tới Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
			02 ngày (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của Chủ tịch UBND cấp tỉnh có rừng chuyển mục đích sử dụng rừng)	Không quy định	Bước 4. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản đề nghị UBND tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế cung cấp thông tin về địa điểm trồng rừng thay thế và đơn giá trồng rừng trên địa bàn tỉnh tại thời điểm chủ dự án đề nghị nộp tiền.	
			02 ngày (kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ)	Không quy định	Bước 5. UBND cấp tỉnh, nơi tiếp nhận nguồn kinh phí trồng rừng thay thế có văn bản gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường xác nhận về việc bố trí địa điểm trồng rừng, kèm theo bản sao Quyết định phê duyệt đơn giá	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			Nông nghiệp và Môi trường)		trồng rừng của tỉnh gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường.	
			02 ngày (kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp tỉnh, nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế)	Không quy định	Bước 6. Bộ Nông nghiệp và Môi trường có văn bản gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế.	
			4,5 ngày (kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường)	Không quy định	Bước 7. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đề nghị nộp tiền có văn bản gửi chủ dự án về thời gian và số tiền chủ dự án phải nộp để trồng rừng thay thế.	
			02 ngày (kể từ ngày nhận được văn bản của UBND cấp tỉnh)	Không quy định	Bước 8. Chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ.	
			02 ngày (kể từ ngày chủ dự án nộp đủ tiền trồng rừng thay thế)	Không quy định	Bước 9. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế do chủ dự án nộp có văn bản gửi chủ dự án thông báo về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế và chuyển số tiền chủ dự án đã nộp về Quỹ Bảo vệ và phát triển rừng Việt Nam để thực hiện trồng rừng tại địa phương khác và có văn	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					bản gửi chủ dự án thông báo về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế, trả kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để trả cho công dân.	
			02 ngày (kể từ ngày đủ tiền trồng rừng thay thế)	Không quy định	Bước 10. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam điều chuyển tiền về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi được lựa chọn trồng rừng thay thế theo quy định.	
			- Trường hợp 2: Chủ dự án đề nghị nộp ngay số tiền trồng rừng thay thế theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi đề nghị nộp tiền: 14 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ			
			4,5 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của chủ dự án và cam kết của chủ dự án về nộp đầy đủ số tiền theo đơn giá trồng rừng của tỉnh nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế)	0,25 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên thuộc Chi cục Kiểm lâm).	
				3,25 ngày	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tham mưu, giải quyết cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên phân công thụ lý: 0,25 ngày. 2.2. Chuyên viên giải quyết, tham mưu hồ sơ đề nghị Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh chấp thuận việc nộp tiền trồng rừng thay thế về Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng Việt Nam: 02 ngày. 2.3. Lãnh đạo Phòng Quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn thiên nhiên thông qua kết quả: 0,25 ngày. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm thông qua kết quả: 0,25 ngày. 2.5. Lãnh đạo Sở ký duyệt, văn thư vào sổ và chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,5 ngày.	
				01 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt, thông báo bằng văn bản cho	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					chủ dự án về việc chấp thuận nộp tiền, thời gian và số tiền phải nộp trên cơ sở diện tích phải trồng rừng thay thế của chủ dự án và đơn giá trồng rừng thay thế của tỉnh.	
			1,25 ngày (kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh)	Không quy định	Bước 4. Chủ dự án phải nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh nơi chủ dự án nộp hồ sơ.	
			1,25 ngày (kể từ ngày nhận đủ số tiền của chủ dự án nộp)		Bước 5. Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh, nơi tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế do chủ dự án nộp, thông báo bằng văn bản cho chủ dự án về việc hoàn thành nghĩa vụ trồng rừng thay thế.	
			2,5 ngày làm việc (kể từ ngày nhận được văn bản của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về đơn giá trồng rừng của tỉnh, nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế)		Bước 6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đề nghị nộp tiền có văn bản gửi chủ dự án thông báo về số tiền trồng rừng thay thế chênh lệch.	
			4,5 ngày		Bước 7: Trách nhiệm của chủ dự án và Quỹ Bảo vệ	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
			(kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch UBND cấp tỉnh)		và Phát triển rừng cấp tỉnh, nơi chủ dự án nộp hồ sơ: Bước 7.1. Trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh, nơi đề nghị nộp tiền thấp hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh, nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nơi đề nghị nộp tiền yêu cầu chủ dự án nộp đủ số tiền trồng rừng thay thế theo Bản cam kết của chủ dự án. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chủ dự án phải nộp bổ sung số tiền chênh lệch vào Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh, nơi chủ dự án nộp hồ sơ; Bước 7.2. Trường hợp số tiền đã nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh, nơi đề nghị nộp tiền cao hơn số tiền phải nộp theo đơn giá trồng rừng của tỉnh, nơi tiếp nhận trồng rừng thay thế, trong thời hạn 06 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi chủ dự án, Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng cấp tỉnh, nơi tiếp nhận tiền trồng rừng thay thế do chủ dự án nộp hoàn trả số tiền chênh lệch bao gồm cả tiền lãi cho chủ dự án.	
III. LĨNH VỰC THỦY LỢI (02 TTHC)						
6	STT 04-III- Quyết định số 2130/QĐ-UBND 08/10/2025	Thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa nước thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh	12,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy lợi)	Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 12/4/2025
				10 ngày làm việc	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy lợi) giải quyết hồ sơ, cụ thể:	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
		1.003232.000.00.00.H21			2.1. Lãnh đạo Phòng Hành chính - Tổng hợp phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc. 2.2. Chuyên viên giải quyết: 08 ngày làm việc. 2.3. Lãnh đạo Phòng Hành chính - Tổng hợp xem xét, thông qua: 0,25 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Chi cục Thủy lợi thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc. 2.5. Lãnh đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường ký duyệt: 01 ngày làm việc. 2.6. Văn thư Sở vào sổ chuyển đến Văn phòng UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc.	
				2,25 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 02 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,25 ngày làm việc.	
7	STT 02-III- Quyết định số 2130/QĐ-UBND 8/10/2025	Phê duyệt, điều chỉnh quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND tỉnh quản lý 1.003867.000.00.00.H21	12,5 ngày làm việc	0,25 ngày làm việc	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: Tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy lợi)	Quyết định số 347/QĐ-UBND ngày 12/4/2025
				10 ngày làm việc	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Thủy lợi) thẩm định hồ sơ, giải quyết. Cụ thể: 2.1. Lãnh đạo Phòng Hành chính- Tổng hợp phân công thụ lý: 0,25 ngày làm việc 2.2. Chuyên viên giải quyết: 08 ngày làm việc 2.3. Lãnh đạo Phòng Hành chính- Tổng hợp duyệt: 0,25 ngày làm việc. 2.4. Lãnh đạo Chi cục thông qua kết quả: 0,25 ngày làm việc 2.5. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày làm việc 2.6. Văn thư Sở vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					UBND tỉnh: 0,25 ngày làm việc	
				2,25 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 02 ngày làm việc. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,25 ngày làm việc.	
Tổng cộng: 07 TTHC						

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
I. Lĩnh vực Môi trường (02 TTHC)						
1	-	Thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường trong hoạt động khai thác khoáng sản (báo cáo riêng theo quy định tại khoản 2 Điều 36 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP) (cấp tỉnh) 1.010735.000.00.00.H21	42 ngày	0,5 ngày 37 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường) Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường) giải quyết hồ sơ, cụ thể: 2.1. Thẩm định hồ sơ: 26,5 ngày 2.1.1. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường phân công thụ lý: 0,5 ngày. 2.1.2. Chuyên viên phòng Thẩm định giải quyết: 23,5 ngày. 2.1.3. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường thông qua kết quả: 01 ngày. 2.1.4. Lãnh đạo Sở ký thông báo kết quả thẩm định: 01	Quyết định số 2280/QĐ-UBND 09/10/2025

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					ngày. 2.1.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến chủ dự án: 0,5 ngày. Ghi chú: Trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, chủ dự án phải hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định hồ sơ (thông qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh) đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính) 2.2. Tổng hợp trình phê duyệt: 10,5 ngày 2.2.1. Chuyên viên phòng Thẩm định được phân công thụ lý hồ sơ tổng hợp, giải quyết: 08 ngày. 2.2.2 Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường thông qua kết quả: 01 ngày. 2.2.3. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 01 ngày. 2.2.4. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh (chuyển qua Bước 3) hoặc văn bản thông báo cho tổ chức/cá nhân trong trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu (<i>việc giải quyết quay lại Bước 2.2.1</i>): 0,5 ngày.	
				4,5 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên giải quyết tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 04 ngày. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển trả kết quả cho Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,5 ngày	
2	STT 07-II- Quyết định số 819/QĐ-UBND, ngày	Cấp giấy phép môi trường (cấp Tỉnh)	10 ngày	2.1. Đối với trường hợp Dự án đầu tư, cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải 0,25 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường	Quyết định số 2280/QĐ-UBND 09/10/2025;

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
	21/7/2025	1.010727.000.00.00.H21			(Chi cục Bảo vệ Môi trường).	Quyết định số 1745/QĐ-UBND ngày 10/09/2025
				7,5 ngày	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường) thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Thẩm định hồ sơ: 4,5 ngày 2.1.1. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày. 2.1.2. Chuyên viên Phòng Thẩm định giải quyết: 03 ngày. 2.1.3. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường thông qua kết quả: 0,5 ngày. 2.1.4. Lãnh đạo Sở ký thông báo kết quả thẩm định: 0,5 ngày. 2.1.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến chủ đầu tư: 0,25 ngày. <i>(Ghi chú: Trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, chủ dự án phải hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định xem xét cấp giấy phép môi trường (thông qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh) đề nghị phê duyệt xem (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i> 2.2. Tổng hợp trình phê duyệt: 03 ngày 2.2.1. Chuyên viên phòng Thẩm định được phân công thụ lý hồ sơ tổng hợp, giải quyết: 02 ngày. 2.2.2. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường thông qua kết quả: 0,5 ngày. 2.2.3. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,25 ngày. 2.2.4. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh (chuyển qua Bước 3) hoặc văn bản thông báo cho tổ chức/cá nhân trong trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu (<i>quay lại Bước 2.2.1</i>): 0,25 ngày.	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
				2,25 ngày làm việc	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 02 ngày. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,25 ngày.	
					2.2. Đối với các trường hợp còn lại	
				0,25 ngày	Bước 1. Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: tiếp nhận hồ sơ, chuyển đến Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường).	
			15 ngày	11,5 ngày	Bước 2. Sở Nông nghiệp và Môi trường (Chi cục Bảo vệ Môi trường) thẩm định hồ sơ, giải quyết cụ thể: 2.1. Thẩm định hồ sơ: 8,5 ngày 2.1.1. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường phân công thụ lý: 0,25 ngày. 2.1.2. Chuyên viên Phòng Thẩm định giải quyết: 07 ngày. 2.1.3. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường thông qua kết quả: 0,5 ngày. 2.1.4. Lãnh đạo Sở ký thông báo kết quả thẩm định: 0,5 ngày. 2.1.5. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến chủ đầu tư: 0,25 ngày. <i>(Ghi chú: Trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ ngày nhận được thông báo kết quả thẩm định, chủ dự án phải hoàn thiện và gửi cơ quan thẩm định xem xét cấp giấy phép môi trường (thông qua Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh) đề nghị phê duyệt xem (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính)</i> 2.2. Tổng hợp trình phê duyệt: 03 ngày 2.2.1. Chuyên viên phòng Thẩm định được phân công	

STT	STT QTNB giải quyết TTHC được sửa đổi tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết TTHC theo quy định	Thời gian thực hiện TTHC của từng cơ quan	Quy trình các bước giải quyết TTHC	TTHC được công bố tại Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh
					thụ lý hồ sơ tổng hợp, giải quyết: 1,5 ngày. 2.2.2. Lãnh đạo Chi cục Bảo vệ môi trường thông qua kết quả: 0,5 ngày. 2.2.3. Lãnh đạo Sở ký duyệt: 0,5 ngày. 2.2.4. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Văn phòng UBND tỉnh (chuyển qua Bước 3) hoặc văn bản thông báo cho tổ chức/cá nhân trong trường hợp hồ sơ không đạt yêu cầu (<i>quay lại Bước 2.2.1</i>): 0,5 ngày.	
				3,25 ngày	Bước 3. Văn phòng UBND tỉnh giải quyết, cụ thể: 3.1. Chuyên viên tham mưu trình Chủ tịch UBND tỉnh ký duyệt văn bản: 03 ngày. 3.2. Văn thư vào sổ, chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh: 0,25 ngày.	
Tổng cộng: 02 TTHC						